TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 23/2024/KDTM-GĐT
Ngày: 21/8/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Trần Văn Mười

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn - Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ**. Trụ sở chính: Số B N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội;

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T** - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Nam. Chỗ ở hiện nay: H Chợ B, Khu phố I, phường T thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Nam. Chỗ ở hiện nay: H Chợ B, Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Vào ngày 27/5/2011, Doanh nghiệp tư nhân (sau đây viết tắt là DNTN) Hưng Thái do bà Nguyễn Thị T là chủ doanh nghiệp (địa chỉ Tổ A, ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang) cùng Ngân hàng TMCP P, nay là Ngân hàng thương

mại cổ phần Đ (P1) đã cùng ký kết hợp đồng cho vay số 2505/2011/HĐHM-DNRG ngày 27/5/2011 như sau: thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh phân phối bột giặt, thực phẩm; số tiền giải ngân là 400.000.000 đồng.

Để đảm bảo hợp đồng vay, H do bà Nguyễn Thị T là chủ đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 2505/2011/HĐTC-DN.RG ngày 26/5/2011 gồm: Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (*sau đây viết tắt là GCNQSDĐ*) do Ủy ban nhân dân (*sau đây viết tắt là UBND*) huyện C cấp ngày 14/10/2010, thửa số 1671, tờ bản đồ số 3, diện tích 777,6m^2 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang do bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn L đứng tên chủ sở hữu.

Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Kiên Giang ngày 27/5/2011.

Trong quá trình vay vốn, H không thanh toán nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận theo hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã có văn bản gửi Công an xã B về việc xác minh địa chỉ của bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn L và cùng Công an xã tiến hành xác minh nơi cư trú vào ngày 10/11/2014. Kết quả xác định bà T và ông L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ A, ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang, tuy nhiên bà T và ông L đã bỏ địa phương đi từ năm 2012 đến nay, không trình báo địa phương và đi đâu không rõ.

Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/12/2022 gồm lãi trong hạn 20.930.535 đồng, lãi quá hạn là 1.471.894.226 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.892.824.761 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 31/12/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Nếu bị đơn không thanh toán nợ, Ngân hàng đề nghị cơ quan pháp luật kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho P1.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị T - chủ Doanh nghiệp tư nhân H trình bày:*

Bà thừa nhận vào ngày 27/5/2011, H do bà là chủ doanh nghiệp và Ngân hàng TMCP P (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ) (P1) có ký kết hợp đồng cho vay số 2505/2011/HĐHM-DN.RG ngày 27/5/2011; về thời hạn vay, mục đích vay và số tiền giải ngân cũng như tài sản thế chấp như lời trình bày của phía Ngân hàng là đúng.

Trong quá trình vay vốn do Ngân hàng thay đổi trụ sở nên H không tìm được trụ sở để trả nợ cho Ngân hàng. Mặt khác, khi Ngân hàng thay đổi trụ sở không có báo cho H biết, đến khoảng năm 2014 do công việc làm ăn khó khăn nên doanh nghiệp ngưng hoạt động kinh doanh, vợ chồng đi về quê ở Hà Nam

sinh sống. Sau đó vợ chồng bà có liên hệ với Ngân hàng và cung cấp thông tin địa chỉ của vợ chồng bà để Ngân hàng liên hệ đồng thời vợ chồng bà có gửi đơn đến Ngân hàng xin giảm lãi nhưng vẫn chưa được phản hồi.

Hiện nay, bà thừa nhận Doanh nghiệp tư nhân H do bà làm chủ còn nợ của Ngân hàng số tiền gốc là 400.000.000 đồng và lãi trong hạn 20.930.535đồng.

Đối với tiền lãi quá hạn là 1.471.894.226 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 31/12/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ thì hiện nay doanh nghiệp khó khăn không còn hoạt động và do phần thời gian qua Ngân hàng thay đổi trụ sở không liên lạc được nên bà xin Ngân hàng giảm tiền lãi quá hạn là 1.471.894.226 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 31/12/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bà xin trả gốc với số tiền là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 150.000.000 đồng, tổng cộng gốc lãi là 550.000.000 đồng, phần lãi còn lại thì xin miễn do không còn khả năng trả nợ, doanh nghiệp không còn hoạt động.

Nếu trường hợp Doanh nghiệp tư nhân H do bà làm chủ không thanh toán được số nợ 550.000.000 đồng nói trên, thì bà đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp cho cơ quan pháp luật kê biên phát mãi tài sản để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn L có ý kiến:*

Ông có dùng tài sản của vợ chồng ông để thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo khoản nợ vay của H do bà T làm chủ doanh nghiệp. Ông yêu cầu cho H thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng. Ông và bà T xin trả gốc số tiền là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 150.000.000 đồng, tổng cộng gốc lãi là 550.000.000 đồng, phần lãi còn lại thì xin miễn do không còn khả năng trả nợ, doanh nghiệp không còn hoạt động.

Nếu H không trả gốc, lãi số tiền 550.000.000 đồng được cho Ngân hàng thì ông đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp cho cơ quan pháp luật kê biên phát mãi tài sản để thu hồi nợ cho Ngân hàng

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2022/KDTM-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã quyết định (*tóm tắt*):

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T - Chủ H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T - Chủ H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc là và tiền lãi tính đến ngày 30/12/2022 gồm: Vốn gốc 400.000.000đồng, lãi trong hạn 20.930.535 đồng; Lãi quá hạn là 1.471.894.226 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.892.824.761 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 31/12/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T- Chủ H không trả số nợ trên thì bà T còn phải trả cho Ngân hàng thêm khoản tiền

lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T - Chủ H thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng phải hoàn trả lại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 2505/2011/HĐTC-DN.RG ngày 26/5/2011 cho bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý tài sản thế chấp, án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/01/2023, bà Nguyễn Thị T – Chủ doanh nghiệp tư nhân H có đơn kháng cáo bản án đề nghị giảm lãi cho bà T:

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2023/KDTM-PT ngày 26/5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định (*tóm tắt*):

Chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T - Chủ H thanh toán cho Ngân hàng tiền vốn gốc 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T - Chủ H đồng ý thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi 150.000.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi đã trả là 23.970.795 đồng. Tiền lãi còn lại là 126.029.205 đồng.

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị T - Chủ H còn phải thanh toán cho Ngân hàng là 526.029.205 đồng.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về buộc bà Nguyễn Thị T - Chủ H phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi quá hạn là 1.366.795.556 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

4. Về tài sản thế chấp:

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị T - Chủ H không thanh toán được nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp ngày 26/5/2011.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T - Chủ H thanh toán được khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng mà không phải xử lý đến tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại GCNQSDĐ do UBND huyện C cấp ngày 14/10/2010 cho bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn L.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả, quyền, nghĩa vụ thi hành án và hiệu lực của bản án.

Ngày 06/11/2023, Ngân hàng có đơn đề nghị xem xét bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 183/QĐ-VKS-KDTM ngày 12/7/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2023/KDTM-PT ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2022/KDTM-ST ngày 30/12/2022 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị T là chủ H và Ngân hàng đã ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2505/2011/HĐHM-DN.RG ngày 27/5/2011, thời hạn vay 12 tháng, mục đích bổ sung vốn kinh doanh phân phối bột giặt, thực phẩm; số tiền giải ngân là 400.000.000 đồng. Để đảm bảo hợp đồng vay, bà T và ông L đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 2505/2011/HĐTC-DNRG ngày 26/5/2011 quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ do bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn L đứng tên, quyền sử dụng đất có diện tích 777,6m^2 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 27/5/2011 đến ngày 26/11/2011 bà Nguyễn Thị T - Chủ H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trong Hợp đồng. Ngày 05/01/2021, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T là chủ H trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[2] Tại biên bản làm việc ngày 21/9/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà Nguyễn Thị T- Chủ H có nội dung bà T xác nhận còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi tổng cộng 1.455.269.111 đồng, do khó khăn nên xin Ngân hàng giảm lãi cho doanh nghiệp của bà T. Sau đó bà T cũng không thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

[3] Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 4 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *"Từ ngày 01/01/2017, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Bộ luật Dân sự năm 2015 và luật khác có liên quan về*

thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu để thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động". Ngày 05/01/2021 nguyên đơn khởi kiện vụ án nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết. Quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết về quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Điều 157 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về "*Bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự*" như sau:

"*1. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp sau đây:*

a) Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện;

b) Bên có nghĩa vụ thừa nhận hoặc thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện;

c) Các bên đã tự hòa giải với nhau.

2. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này.".

[4] Ngày 21/9/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà Nguyễn Thị T- Chủ H ký biên bản xác nhận nợ là sự kiện pháp lý để bắt đầu tính lại thời hiệu khởi kiện. Ngày 05/01/2021 nguyên đơn khởi kiện vụ án là còn thời hiệu khởi kiện vụ án theo Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị T - Chủ H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội. Tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Do vậy, việc thỏa thuận giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị TThúy - Chủ H về mức lãi suất nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày 30/12/2022, bà Nguyễn Thị T - Chủ H còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/12/2022 gồm lãi trong hạn 20.930.535 đồng; lãi quá hạn là 1.471.894.226 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.892.824.761 đồng.

[5] Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà Nguyễn Thị T - Chủ H phải trả cho Ngân hàng số tiền là vay gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/12/2022 (gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn). Tổng cộng gốc và lãi là 1.892.824.761 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 31/12/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và chỉ buộc bà Nguyễn Thị T - Chủ H phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và ghi nhận bà T thanh toán cho ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng tiền lãi, khấu trừ 23.970.795 đồng tiền lãi đã thanh toán. Đình chỉ yêu cầu khởi của Ngân hàng đối

với số tiền 1.366.795.556 đồng tiền lãi quá hạn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của ngân hàng. Vì vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337 và Điều 343, 344 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 183/QĐ-VKS-KDTM ngày 12/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2023/KDTM-PT ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang; Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2022/KDTM-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Chánh án TAND cấp cao tại TP.HCM;
- Vụ Pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng LTHS, HS, THS. (VD).

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Xuân